

Số: **235/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **17** tháng 02 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói  
thầu sửa chữa định kỳ tàu khách cao tốc Lý Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;  
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ  
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà  
thầu;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ  
Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động  
thường xuyên của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã  
hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội -  
nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ  
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà  
thầu; Công văn số 4054/BKHĐT-QLĐT ngày 27/6/2014 của Bộ Kế hoạch và  
Đầu tư về việc thực hiện Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Nghị định số  
63/2014/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 07/TTr-  
SGTVT ngày 18/01/2016 và đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số  
339/STC-QLGCS ngày 01/02/2016 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà  
thầu gói thầu sửa chữa định kỳ tàu khách cao tốc Lý Sơn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu sửa chữa định kỳ  
tàu khách cao tốc Lý Sơn; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Phân công việc đã thực hiện:

- Tư vấn lập dự toán: 9.800.000 đồng (theo Quyết định số 06/QĐ-CSK  
ngày 07/01/2016 của Giám đốc Ban Quản lý Cảng Sa Kỳ).

- Tư vấn thẩm tra dự toán: 7.500.000 đồng (theo Quyết định số 07/QĐ-  
CSK ngày 07/01/2016 của Giám đốc Ban Quản lý Cảng Sa Kỳ).

2. Phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI  
CV ĐẾN  
Số: 1188  
Ngày: 17/02/16  
Chuyên:

a) Tên gói thầu: Sửa chữa định kỳ tàu khách cao tốc Lý Sơn.  
Chi tiết nội dung công việc, khối lượng sửa chữa tàu khách cao tốc Lý Sơn như Phụ lục kèm theo.

b) Bên mời thầu: Ban Quản lý Cảng Sa Kỳ tỉnh Quảng Ngãi.

c) Phân chia gói thầu: 02 gói thầu; trong đó:

- Gói thầu số 01: Tư vấn lập Hồ sơ yêu cầu.

- Gói thầu số 02: Sửa chữa định kỳ tàu khách cao tốc Lý Sơn.

d) Giá gói thầu (đã bao gồm thuế VAT): **1.782.700.000 đồng** (Một tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng);

Trong đó:

- Gói thầu số 01: 5.000.000 đồng.

- Gói thầu số 02: 1.777.700.000 đồng.

đ) Nguồn vốn thực hiện: Sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hiện có (680 triệu đồng) và vay vốn của ngân hàng (1.120 triệu đồng).

e) Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- Gói thầu số 01: Chỉ định thầu (theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ).

- Gói thầu số 02: Chào hàng cạnh tranh trong nước (theo quy định tại Điều 23 Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013 và Điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ).

f) Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

g) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 02 năm 2016.

h) Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá.

i) Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Gói thầu số 01: Không quá 02 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

- Gói thầu số 02: Không quá 10 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Ban Quản lý Cảng Sa Kỳ:

1. Lập đầy đủ các thủ tục theo đúng quy trình, quy định hiện hành của Nhà nước về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu; đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

2. Đảm bảo kế hoạch vay và trả nợ ngân hàng theo Phương án vay vốn và trả nợ ngày 18/12/2015 của Ban Quản lý Cảng Sa Kỳ; theo đó:

- Kế hoạch trả nợ gốc:

+ Ngày 01/02/2016 đến ngày 31/12/2016: 770 triệu đồng.

+ Ngày 01/01/2017 đến ngày 30/5/2017: 350 triệu đồng.

- Trả lãi: 160 triệu đồng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

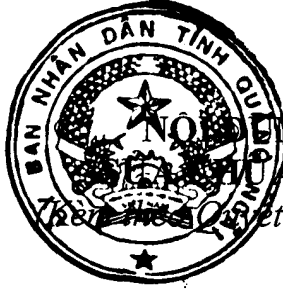
**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.77.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Căng**



Phụ lục  
**QUY ĐỊNH CÔNG VIỆC, KHỐI LƯỢNG  
CÔNG VIỆC TÀU KHÁCH CAO TỐC LÝ SƠN**  
Quyết định số 235 /QĐ-UBND ngày 17/02/2016  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
<b>I</b>	<b>Chi phí lên đà và nằm bến</b>		
1	Khảo sát, lắp ráp đà xe triển kê tàu đúng vị trí	Tàu	1
2	Kéo tàu lên đà và hạ thủy	Tàu	1
3	Kê thêm các điểm kê sau khi tàu lên đà bảo đảm tính ổn định và chống biến dạng thân vỏ	điểm	10
4	Kích kê thay chuyển vị trí kê tàu phục vụ làm sạch, sơn phần vỏ nằm ở vị trí kê	Tàu	1
5	Chi phí tiền nằm đà	Ngày	45
6	Chi phí tiền nằm bến	Ngày	10
7	Điện nước sinh hoạt cho tàu	Ngày	55
8	Chi phí vệ sinh môi trường	Ngày	55
<b>II</b>	<b>Chi phí làm sạch và sơn bảo quản, sơn trang trí</b>		
<b>1</b>	<b>Phần dưới mớn nước</b>		
1.1	Cạo hà phần dưới mớn nước	m2	215
1.2	Chùi rửa nước ngọt phần dưới mớn nước	m2	215
1.3	Phun cát sạch (sử dụng cát mịn và áp lực phun phù hợp) phần dưới mớn nước	m2	215
1.4	Sơn lót 2 lớp dưới mớn nước	m2	430
1.5	Sơn chống hà 2 lớp	m2	430
1.6	Sơn chống hà jotun	lít	70
1.7	Sơn lót Jotun	lít	70
<b>2</b>	<b>Phần mạn khô</b>		
2.1	Vệ sinh chùi rửa bằng nước ngọt	m2	135
2.2	Phun cát sạch phần mạn khô	m2	135
2.3	Sơn điểm chống rỉ 2 lớp mạn khô	m2	50
2.4	Sơn màu 2 lớp mạn khô	m2	270
2.5	Sơn chống rỉ jotun	lít	10
2.6	Sơn màu jotun	lít	45

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
<b>III</b>	<b>Hệ thống lái</b>		
1	Tháo kiểm tra bảo dưỡng, đo khe hở trục và bạc trục lái lập số liệu trình Đăng kiểm, lắp ráp lại	Cụm	2
2	Đưa trục lái lên máy tiện kiểm tra các thông số	Trục	2
3	Thay ép vòng bít kín nước trụ lái	Cái	2
4	Thay giăng kín nước trụ lái	Cái	4
5	Thay ống lót nhựa Tynol	Cái	4
6	Thay vòng bi 7215	Vòng	2
7	Thay vòng bi 7216	Vòng	2
8	Cạo mài đánh sạch, hàn bù bánh lái	Cái	2
9	Lắp, điều chỉnh hệ thống lái	hệ	1
10	Joăng su các loại (tạm tính)	Cái	20
<b>IV</b>	<b>Hệ trục chân vịt</b>		
1	Tháo + lắp bu lông bích nối trục, để trục chân vịt về trạng thái tự do, đo độ lệch tâm gậy khúc trước và sau khi lên đà	Cụm	2
2	Tháo chân vịt, trục chân vịt, đo khe hở trục và bạc hệ trục chân vịt lập số liệu trình Đăng kiểm (phần sửa chữa sẽ tính riêng sau khi kiểm hỏng xong)	Cụm	2
3	Thay ép tit kín nước ổ đỡ bạc trục sau chân vịt	Cụm	2
4	Thay ép tit kín nước ổ đỡ bạc trục trước chân vịt	Cụm	2
5	Thay ép tit kín nước ổ đỡ bạc trục khớp nối	Cụm	2
6	Rà côn trục chân vịt và côn bích trục	Cụm	4
7	Đưa trục lên máy tiện kiểm tra các thông số độ cong, độ côn, độ ô van, độ đảo mặt đầu... lập số liệu trình đăng kiểm	Trục	2
8	Tết chỉ trục 16x16 (nhật)	m	2
9	Cân bằng tĩnh chân vịt máy phải	cái	1
10	Sửa chữa chân vịt (tạm tính, làm theo thực tế sau khi kiểm tra)	cái	2
<b>V</b>	<b>Hệ tời neo và chì chống ăn mòn</b>		
1	Thả neo, rải xích, đo số liệu xích neo và neo	hệ	1
2	Tháo + lắp, cạo mài đánh sạch và sơn hệ tời neo	hệ	1
3	Thay vật liệu chống ăn mòn điện hóa	viên	12
<b>VI</b>	<b>Hệ thống điều hòa và quạt hút thông gió</b>		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng động cơ quạt đẩy hướng trục - 380V 1,5kW 50Hz	Cái	2
2	Kiểm tra, bảo dưỡng quạt hút hướng trục - 380V 0,75kW 50Hz	Cái	2
3	Giẻ lau	Kg	12
4	Dầu rửa	lít	5

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
5	Mỡ bảo quản	Kg	1
6	Vec ni cách điện	lít	2
<b>VII</b>	<b>Hệ thống hút khô dưới boong</b>		
1	Bảo dưỡng miệng hút 1 chiều + lưới lọc và phễu hút dầu cặn	Hệ	1
2	Tháo, kiểm tra, bảo dưỡng hệ van, đường ống (Siết lại các bu lông nổi bích, kiểm tra các giá đỡ ống, sơn lại ống theo đúng màu quy định). Lắp lại	Hệ	1
3	Thay van đường ống D50	Cái	2
4	Ống D49x4 (Tạm tính)	Kg	280
5	Bích thép nối ống, bu lông bắt bích, co nối ống	t.bộ	1
6	Giẻ lau	Kg	12
7	Dầu rửa	lít	12
8	Mỡ bảo quản	Kg	2
9	Vec ni cách điện	lít	5
<b>IIIX</b>	<b>Hệ thống nước sinh hoạt</b>		
1	Tháo kiểm tra toàn hệ thống nước ngọt, mặn và bảo dưỡng các kết nước sinh hoạt. Lắp lại	Hệ	1
2	Thay van hệ thống (tạm tính)	Cái	3
3	Thay đường ống của hệ Ø32*3 (tạm tính)	m	20
4	Bích thép nối ống, bu lông bắt bích...	t.bộ	1
5	Thay các co nối đường ống của hệ	Cái	10
<b>IX</b>	<b>Hệ thống chứa và cấp nhiên liệu Diesel cho động cơ</b>		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng toàn hệ thống thùng chứa, van, đường ống	Hệ	1
2	Thay bầu lọc thô nhiên liệu	Cái	4
<b>X</b>	<b>Hệ thống cứu hỏa bằng nước</b>		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng đường ống và trụ van	Hệ	1
2	Kiểm tra bảo dưỡng lăng phun, vòi rồng và cuộn dây phun	Hệ	1
3	Kiểm tra bảo dưỡng tầng tâm cháy tự động	hệ	1
<b>XI</b>	<b>Trang thiết bị hàng hải, thông tin và đèn tín hiệu</b>		
	<i>Tháo, vệ sinh, lau chùi, bảo dưỡng, hiệu chỉnh, thử :</i>		
1	Máy thu phát VHF IC- M402	bộ	1
2	Máy định vị vệ tinh KODEN KGP-913	bộ	1
3	Vải phin sạch	m2	1
4	Xăng rửa CN	lít	10
5	Thay mới 01 máy VHF	cái	1
6	Thay mới an ten máy định vị vệ tinh	Cái	1

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
7	Bảo dưỡng phao bè tự thổi	Cái	4
<b>XIII</b>	<b>Trang thiết bị điện toàn tàu</b>		
	<i>Tháo, vệ sinh, kiểm tra độ cách điện, bảo dưỡng, tầm sấy :</i>		
1	Động cơ bơm cứu hỏa, bơm hút khô, bơm chuyên dầu cháy, bơm chuyên dầu nhớt, bơm nước ngọt sinh hoạt và các động cơ bơm gắn trên 02 máy chính	Cái	14
2	Tháo các bơm nêu ở mục 8, vệ sinh, kiểm tra, đo số liệu vỏ bơm, cánh bơm, trục bơm, ổ bi, phớt trình đăng kiểm. Lắp Ráp lại	Cái	14
3	Giẻ lau	Kg	12
4	Dầu rửa	lít	18
5	Mỡ bảo quản	Kg	1
6	Lắp mới 01 đèn pha 220V- 2000KW	Cái	1
7	Lắp mới bình ắc quy 24V-120Ah	bình	6
8	Sửa chữa bảng điện chính và tủ nạp ắc quy (cả vật tư)	cái	2
<b>XIV</b>	<b>Phần cơ khí</b>		
1	Sửa chữa khung mái che sinh hoạt cho thuyền viên phía sau lái	Cụm	1
2	Nắn sửa chữa lan can phía sau lái (lan can nhôm)	Hệ	1
3	Nắn, hàn gia cố các hư hỏng be chống va và vỏ dưới boong tàu	Tàu	1
4	Sửa chữa ống xả (hàn ốp chỗ thủng), bọc cách nhiệt	Cụm	2
5	Vải amiăng	m2	10
6	Bột amiăng	kg	20
7	Đo kiểm tra chiều dày tôn vỏ (theo định kỳ Đăng kiểm)	điểm	500
8	Tháo, vệ sinh, sửa chữa, rà kín, lắp ráp và thử kín van thông biển (Đăng kiểm)	Cụm	6
9	Bảo dưỡng hộp lọc rác (Đăng kiểm)	Cụm	4
10	Bảo dưỡng và thử kín hộp van thông biển (Đăng kiểm)	Cụm	4
11	Bảo dưỡng và thử kín van xả mạn	Cụm	5
12	Kiểm tra bên trong khoang, két (két dầu cháy, két dầu nhớt, két nước ngọt, két nước thải)	t.bô	4
<b>XVI</b>	<b>Phần máy chính và máy phát điện</b>		
<b>1</b>	<b>Máy chính CATERPILAR - 1100 HP x 2 máy</b>	<b>máy</b>	<b>2</b>
1.1	Tháo các chi tiết máy chính kiểm tra: tháo nắp máy, tháo rút Piston, xylanh, xéc măng, ắc piston, cổ biên, bạc biên....., kẹp chì, đo số liệu chi tiết, lập bảng trình đăng kiểm. Lắp ráp lại hoàn chỉnh	máy	2

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
1.2	Joăng đệm các loại máy chính (thay toàn bộ chính hãng)	máy	2
1.3	Vật tư khác (tạm tính phụ tùng chính hãng, sau khi kiểm hồng sẽ có dự trừ chính thức)	Máy	2
	- Sửa Chữa tua bua tăng áp	cái	2
	- Thay Bạc biên	cái	24
	- Cổ góp khí xả	Cái	1
	- Thay séc măng	bộ	24
	- Thay bạc Palie	caái	7
1.4	Kiểm tra các bình sinh hàn nước, dầu (Đăng kiểm)	máy	2
1.5	Thay lọc		
	- Thay lọc dầu cháy máy chính	cái	2
	- Súc rửa hệ thống dầu cháy máy chính (hệ thống ngoài máy)	hệ	1
	- Thay lọc nhớt máy chính	cái	2
	- Súc rửa hệ thống dầu nhờn máy chính (hệ thống ngoài máy)	hệ	1
	- Thay lọc gió máy chính	cái	2
	- Thay ống làm mát máy chính bằng ống tráng kẽm $\phi 49$ (13m)	Kg	65
	- Thay sinh hàn làm mát dầu hồi	cái	2
1.6	Thay nhớt 2 máy chính	lít	180
1.7	Cân chỉnh máy và hộp số theo hệ trục chân vịt : Bộ đồ gá kiểm tra	hệ	2
1.8	Keo đồ chân máy loại 6,5kg/hộp	hộp	4
1.9	Kiểm tra hệ thống báo lỗi tự động qua các chỉ số áp lực dầu cháy, áp lực dầu nhờn...tạm tính, sẽ QT theo báo giá của hãng chế tạo)	máy	2
<b>2</b>	<b><i>Thay lọc và nhớt 2 hộp số</i></b>		
2.1	Thay lọc nhớt	cái	2
2.2	Thay nhớt hộp số	Lít	45
2.3	Tháo nắp hộp số, kiểm tra tính ăn khớp của các cặp bánh răng truyền động	cái	2
2.4	Căn chỉnh hộp số	cái	2
2.5	Dầu thử máy	lít	500
<b>3</b>	<b><i>Máy phụ (2 máy phát điện)</i></b>	<b>Máy</b>	<b>2</b>
3.1	Tháo các chi tiết phân động cơ kiểm tra: (Piston, xylanh, xéc măng, ắc piston, cổ biên, bạc biên, bạc trục,.....), kẹp chì, đo số liệu chi tiết, lập bảng kê trình đăng kiểm. Lắp ráp lại hoàn chỉnh	Máy	2



<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>
3.2	Joăng đệm máy phụ (thay toàn bộ)	máy	2
3.3	Vật tư khác (tạm tính, sau khi kiểm hổng sẽ có dự trừ chính thức)	Máy	2
3.4	Súc rửa sinh hàn: Chất tẩy sinh hàn, roăng các loại và nhân công	Máy	2
3.5	Thay lọc	máy	2
3,6	Thay nhớt 2 máy phụ	lít	35
3.7	Súc rửa, vệ sinh hệ thống (hệ thống ngoài máy)	hệ	1
3.8	Thay ống làm mát máy đèn D34x3 (11m)	Kg	28
3.9	Cân chỉnh kim phun	cái	8
4	Dầu thử máy	lít	150
4,1	Bảo dưỡng Đina mô phát điện	cái	2
<b>XVII</b>	<b>Chi phí đưa tàu đi sửa chữa (dầu Diesel)</b>	lít	5.000
	<b>Chi phí nghiệm thu (nhiên liệu)</b>	lít	1.200
	<b>Tổng chi phí sửa chữa</b>		
	Chi phí đăng kiểm	%	4